

Số: /TB-BV

Hà Giang, ngày tháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO
Yêu cầu báo giá

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Công văn 1179/SYT - NVD ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Sở Y tế Hà Giang về việc cho chủ trương mua sắm bổ sung hóa chất, vật tư xét nghiệm năm 2024;

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện tại Bệnh viện Phổi Hà Giang đang có nhu cầu mua sắm bổ sung vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2024;

Bệnh viện Phổi có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói mua sắm bổ sung vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phổi Hà Giang.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phó trưởng khoa Dược - Ds. Lục Thị Lý, SĐT: 0889.747.779
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược – Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang, Đ/c: Tổ 3, Phường Minh Khai, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h ngày 28/5/2024 đến trước 16h ngày 08/6/2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 60 ngày.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2024.
(Phụ lục 1 chi tiết hàng hoá kèm theo thông báo yêu cầu báo giá này)
- Địa điểm cung cấp: Khoa Dược – Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang, Đ/c: Tổ 3, Phường Minh Khai, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Tháng 7/2024.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán 01 lần bằng hình thức chuyển khoản.
- Bảng báo giá (theo mẫu đính kèm)
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Chúc Hồng Phương

Phụ lục 1: Danh mục vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm.

(Kèm theo công văn số: /BV-KD ngày tháng 5 năm 2024 của Bệnh viện
Phổ tỉnh Hà Giang)

ST T	Tên nhóm, loại VTYT, hoá chất	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	Vật tư y tế				
1	Bơm tiêm 1ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml cỡ kim 26Gx1/2"; giống có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Bơm tiêm đạt khoảng chết < 0,03 ml. Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016-TUV, CE, ISO 9001:2015	Cái	100	
2	Hộp kháng thủng (hộp đựng vật sắc nhọn)	Hộp an toàn 1.5l	Cái	300	
3	Panh tách thẳng	Panh thẳng không máu 12.5cm	Cái	10	
4	Panh tách cong	Panh cong không máu 12cm	Cái	10	
5	Kìm mang kim	Kìm mang kim 18cm	Cái	10	
6	Kéo bé	Kéo thẳng nhọn 12cm	Cái	10	
7	Dây Garo	Dây Garo	Cái	100	
8	Mũ phẫu thuật	Mũ giấy đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485	Cái	15,000	
9	Dây dẻo hút dịch 10 ly	Đường kính 10 mm	Mét	300	
10	Dây dẻo hút dịch 12 ly	Đường kính 12 mm	Mét	100	
11	Catherter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Kích thước: 7Fx20cm. 1 Bộ bao gồm: 1 catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng có chắn bức xạ đường kính 14Ga và 18Ga, dây dẫn đường 0.035"X60cm, nong, nút chặn, kim luồn, dao, xylanh, dây điện cực ECG	Cái	20	
12	Chi lạnh cuộn 200m	Cuộn 200m	Cuộn	10	
13	Gạc cầu fi 30mm x 1 lớp, VT (10 cái/gói)	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton, mật độ 18-20 sợi/inch, tri số sợi CD 40/1. Được tẩy trắng bằng oxi già, không có độc tố, độ thấm hút =<5 giây. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.	gói	2000	
14	Gạc phẫu thuật 8cm x15cm x 6 lớp	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton, mật độ 18-20 sợi/inch, tri số sợi CD 40/1. Được tẩy	gói	2000	

		trắng bằng oxi già, không có độc tố, độ thấm hút =<5 giây. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.			
15	Gạc phẫu thuật 5cm x 6,5cm x 6 lớp	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton, mật độ 18-20 sợi/inch, tri số sợi CD 40/1. Được tẩy trắng bằng oxi già, không có độc tố, độ thấm hút =<5 giây. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.	gói	1500	
16	Dây hút dịch phẫu thuật	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đường kính ngoài ống 9.9 mm. Đường kính trong ống 6.3 mm. Chiều dài ống 2m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo. Đạt tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016-TUV, ISO 9001:2015.	dây	10	
17	Chỉ thị hóa học đa thông số (Hấp ướt), sử dụng bên trong gói dụng cụ 1243A	* Dùng cho tiệt khuẩn bằng hơi nước nhiệt độ cao. * Test chỉ thị hóa học ISO 11140 nhóm 5 để kiểm tra CLTK của từng gói đồ. * Xác định các thông số TK nhiệt độ - thời gian - áp suất có đạt hay không? Khi đạt đủ 3 điều kiện về nhiệt độ cần thiết - thời gian - áp suất hơi nước, túi mực sẽ tan chảy và thấm vô bấc giấy hình thành vạch chỉ thị hóa học. Tuân thủ ISO 11140 / nhóm 5.	Gói	1	
18	Megasept Opa	Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Tặng kèm test thử. Thê tích can 5 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485	Can	5	
19	Dung dịch rửa tay thường quy	Chlorhexidine Digluconate 1%; Chất dưỡng da, giữ ẩm: Caprylyl glycol và Tocophenol acetate	Chai	30	
20	Cloramin B	Thùng 25 kg	Thùng	1	
21	Test HIV	Phát hiện và phân biệt các kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8%. Hạn dùng tối thiểu 24 tháng kể từ ngày sản xuất.	Test	100	
II	Hóa chất xét nghiệm				
22	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Na, K, Cl	*Pack EasyLyte Na / K / Cl Solutions Pack sử dụng để xác định định lượng Natri (Na +), Kali (K +) và Clorua (Cl-) trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần và nước tiểu người bằng máy xét nghiệm điện giải EasyLyte plus. *Thành phần: Standard A Solution, 400mL: 140.0 mmol/L	Hộp	6	

		Na+; 4.0 mmol/L K+; 125.0 mmol/L Cl-; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Standard B Solution, 130mL: 35.0 mmol/L Na+; 16.0 mmol/L K+; 41.0 mmol/L Cl-; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Wash Solution, 50mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container			
23	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm khí máu và điện giải	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải, khí máu hãng Medica/Mỹ (Không có Ammonium Bifluoride) Thành phần 1 hộp gồm: - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 ml, HCl (0,1N) và muối - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5g	Hộp	4	
24	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng các thông số điện giải	*Dung dịch kiểm chuẩn cho các xét nghiệm phân tích điện giải (bao gồm test Na+, K+, Cl-, Li+, Ca++, pH) với 2 mức bình thường và bất thường. *Gồm dung dịch muối, chất đệm, albumin bò, chất bảo quản.	Hộp	2	
25	Điện cực xét nghiệm định lượng Na	Điện cực Na dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Cái	1	
26	Điện cực xét nghiệm định lượng K	Điện cực K dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Cái	1	
27	Điện cực xét nghiệm định lượng Cl	Điện cực Cl dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Cái	1	
28	Điện cực tham chiếu xét nghiệm định lượng Na, K, Cl, Li	Điện cực tham chiếu dùng cho máy điện giải Na/K, Na/K/Cl và Na/K/Li	Cái	1	
29	Đường ống bơm và ống mẫu máy điện giải	Hộp gồm: 1 đường ống bơm và 1 đường ống mẫu. Dùng cho máy điện giải EasyLyte Na/K, Na/K/Cl và Na/K/Li	Hộp	1	
30	IVD ngâm điện cực dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Dung dịch ngâm điện cực, lọ 125 mL chứa KCl, dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Lọ	1	
31	Màng điện cực máy xét nghiệm điện giải	Màng điện cực dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Cái	1	
32	Kim hút mẫu máy xét nghiệm điện giải	Kim hút mẫu dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Cái	1	
33	NaOH	NaOH : Natri hidroxit hay tên gọi khác là Sodium Hydroxide – Caustic Soda	gram	1,000	

34	Na ₂ HPO ₄	Na ₂ HPO ₄ : Natri hidrophotphat là một hợp chất của natri với gốc axit photphat. Nó được dùng như là một loại thuốc nhuận tràng, và như một dung dịch đệm pH tương tự natri photphat.	gram	1,000	
35	KH ₂ PO ₄	KH ₂ PO ₄ : Potassium dihydrogen phosphate hay Kali dihydro photphat, Mono potassium phosphate, mono kali phốt phát (M.K.P), lân trắng. Công thức hóa học: KH ₂ PO ₄ . CAS: 7778-77-0. Hàm lượng: 99%, xuất xứ: Trung Quốc, Quy cách: 25 kg/bao . Tinh thể không màu hoặc dạng bột màu trắng, được sản xuất từ Axit photphoric kỹ thuật và Kali cacbonat. Là muối hòa tan của kali và ion dihydrophotphat được sử dụng làm phân bón, phụ gia thực phẩm và thuốc diệt nấm...	gram	1,000	
36	Natricitrat	Natricitrat: Sodium citrate dihydrate hay Natri citrate dihydrate, Natri citrat. Trong tự nhiên Natri nitrat thường gặp dưới dạng ngậm 2 nước. Là hợp chất dạng tinh thể màu trắng, không mùi, vị chua, tan nhiều trong nước và có tính axit nhẹ. CTHH: Na ₃ C ₆ H ₅ O ₇ .2H ₂ O, CAS: 68-04-2, hàm lượng: 93%, xuất xứ: Trung Quốc, quy cách: 25kg/bao. Natri citrat ứng dụng làm phụ gia trong thực phẩm, làm phụ gia hương liệu hoặc chất bảo quản, sử dụng như một chất đệm điều ..	gram	1,000	
37	N- Acetyl - L - Cysteine	Hóa chất N-Acetyl-L-cysteine CAS 616-91-1; lọ 100g	gram	200	

38	Bộ nhuộm vi khuẩn lao huỳnh quang	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để nhuộm mycobacteria bằng quy trình nhuộm huỳnh quang. - Thuốc nhuộm huỳnh quang có đặc tính phát ra bức xạ nhìn thấy được khi được kích thích bởi ánh sáng cực tím có bước sóng ngắn hơn, - Bộ thuốc thử bao gồm: (công thức tương ứng trên 1 lít) <ul style="list-style-type: none"> + 1 chai 250 mL TB Auramine M: Auramine O 2.0g, Phenol USP 4.0g, Glycerine USP 100.0mL, Isopropanol 250.0mL, Nước cất 650.0mL. + 1 chai 250 mL TB Khử màu TM: Axit hydrochloric 5.0mL, Isopropanol 700.0mL, Nước cất 300.0mL. + 1 chai 250 mL TB Potassium Permanganate: Potassium Permanganate 5.0g, Nước cất 1000.0mL. - Nhiệt độ bảo quản: 15–30 °C. 	Bộ	5	
39	Môi trường nuôi cấy phát hiện vi khuẩn lao	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để phát hiện và phục hồi vi khuẩn lao. - Mỗi ống chứa 110µL chất chỉ thị huỳnh quang Tris 4, 7-diphenyl-1,10-phenanthroline ruthenium chloride pentahydrate và 7mL canh trường Middlebrook 7H9 với công thức trên 1L nước tinh khiết: Canh trường Middlebrook 7H9: 5.9g; Casein Peptone 1.25g. - Bảo quản ở 2 - 25oC 	Hộp	10	
40	Nước cất	Nước cất 2 lần. Đạt tiêu chuẩn ISO	lít	100	

PHỤ LỤC 2

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của....., chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, ⁽³⁾	Quy cách	hãng sản xuất	Loại trang TBYT (A,B,C,D) ⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

